

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:122/2022/HS-ST
Ngày: 25-11 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH-TỈNH BÌNH THUẬN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Lệ
2. Ông Bùi Tấn Khoa

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên –Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2022/TLHS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/HSST-QĐ ngày 11/11/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên:**Nguyễn Thị Kim Ng**, sinh ngày 16/02/2002, tại tỉnh BThn; hộ khẩu thường trú:khu phố N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh; nơi cư trú hiện nay: khu phố N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh; nghề nghiệp:không; trình độ văn hóa:9/12;dân tộc:Kinh; giới tính:Nữ; tôn giáo:Thiên chúa giáo; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1950 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975(chết); có 01 chị sinh năm 1998;có 1 người con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không;Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 18/6/2022 đến nay (có mặt tại phiên tòa)

-Người bị hại: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1982(vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố N thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1/Trần Văn S, sinh năm 1979(có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố T, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

2/Lê Minh H, sinh năm 1987(vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu phố S, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

3/Cao Nguyên B, sinh năm 1999(có mặt)

Nơi cư trú: thôn Hòn M, xã Sông B, huyện BB, tỉnh BTh.

4/Lê Quang T, sinh năm 1989(vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 18/02/2020, Lê Minh H, sinh năm 1987 ở khu phố S điều khiển xe đạp điện hiệu Azi Swan màu xanh đến nhà bà Huỳnh Thị C là ngoại của Nguyễn Thị Kim Ng chơi. Tại đây, có Lê Quang T, Nguyễn Ngọc Q cùng ngồi chơi. Khoảng 30 phút sau Nguyễn Thị Kim Ng mượn xe đạp điện của H(Lê Minh H) đi mua đồ ăn sáng nên H đồng ý cho Ng mượn xe. Sau khi H giao xe, Nguyễn Thị Kim Ng đạp đến tiệm cầm đồ HB để xin cầm xe đạp điện, ông Nguyễn Ngọc D là chủ tiệm cầm đồ hỏi chứng minh và nguồn gốc xe thì Ng trả lời chứng minh bị mất, xe là của Nguyễn Thị Kim Ng và nói Ng là con ông Q ở Động cát nên ông D tin cho cầm chiếc xe đạp điện với số tiền 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng. Ng lấy 500.000 đồng bọc trong túi riêng, 2.500.000 đồng để túi riêng dành tổ chức sinh nhật, sau đó Nguyễn Thị Kim Ng đi bộ về nhà. Lê Minh H hỏi xe đâu thì Ng nói nợ Nhí Đ 2.500.000 nên cầm xe 3.000.000 đồng trả cho Nhí Đ, còn 500.000 đồng đưa H cầm và nói cho Ng mượn số tiền 2.500.000 đồng cầm xe đó, vài ngày sẽ trả lại cho H chuộc xe nên H đồng ý. Nguyễn Thị Kim Ng muốn có tiền tiêu xài nên ngày 20/02/2020, Ng đến tiệm cầm đồ gặp ông D xin tăng số tiền cầm xe lên 4.000.000 đồng nhưng ông D không đồng ý và nói muốn tăng thì trả tiền cho ông lấy xe ra đi cầm chỗ nào thì cầm. Đến 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị Kim Ng nhờ người đàn ông mới quen đi xe mô tô hiệu Winer chở Ng đến tiệm cầm đồ HB nói với ông D để người đàn ông và xe Winer ở lại tiệm làm tin, cho Ng lấy xe ra đi cầm chỗ khác lấy tiền về trả cho ông D thì được ông D đồng ý giao xe đạp điện cho Ng. Ng đem đến tiệm cầm đồ U cầm nhưng do Ng không có chứng minh nhân dân nên ông Trần Văn S không đồng ý nhận cầm. Nguyễn Thị Kim Ng liên hệ Cao Nguyên B là bạn của Ng và nhờ B có chứng minh cùng đến tiệm cầm đồ U cầm chiếc xe điện cho Ng được B đồng ý đến gặp ông Trần Văn S nói cầm xe đạp điện Winer, ông S biết xe của H nên hỏi B xe ai, B nói xe của H nhờ cầm với số tiền 4.000.000 đồng nhưng ông S không chấp nhận mà chỉ chấp nhận 3.500.000 đồng được Cao Nguyên B đồng ý. Ông S viết giấy cầm đồ, đưa tiền cho Cao Nguyên B. Cao Nguyên B đưa tiền cho Nguyễn Thị Kim Ng. Sau khi nhận được tiền cầm xe 3.500.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Ng không quay lại trả tiền cho ông D mà nhờ B chở đi tìm Lê Quang T, khi gặp T, Ng đưa tiền cho T. Lê Quang T nhờ B chở T và Ng về lại Sông B. T cho B 100.000 đồng. Số tiền Ng cầm xe cùng Lê Quang T mua ma túy sử dụng và

tiêu xài cá nhân.Đợi Ng quá lâu nên ông Nguyễn Ngọc D lấy xe đi tìm thì thấy B chở Ng chạy về hướng chợ S nên điện thoại cho Ng nhưng Ng không nghe máy, người đàn ông đợi không thấy quay lại nên ông D cho người đàn ông dắt xe đi.Sau khi cầm xe cho ông S, Nguyễn Thị Kim Ng bỏ trốn khỏi địa phương.Ông D làm đơn báo Công an thị trấn S.

Tại bản kết luận định giá số 29/2020/HĐĐGTS–TTHS ngày 06/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận 01 chiếc xe đạp điện hiệu Aziswan trị giá còn lại 70% là 5.600.000(Năm triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Tang vật chứng vụ án: + 01 chiếc xe đạp điện sau khi định giá đã giao trả lại cho chủ sở hữu Lê Minh H.

Về phần dân sự: bị hại Nguyễn Ngọc D yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng trả lại 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn S yêu cầu Cao Nguyên B trả lại 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng và Cao Nguyên B yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng hoàn trả lại 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn)đồng.

Tại cáo trạng số 102/CT –VKS-HBB ngày 12/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi tính chất phạm tội của bị cáo, giữ nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng theo tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố, áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo”, “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng từ 09-12 tháng tù”; hình phạt bổ sung: không; Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 584;585;586;589 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 3.000.000 đồng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cao Nguyên B bồi thường cho ông Trần Văn S số tiền 3.500.000 đồng. ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng không yêu cầu Nguyễn Minh H hoàn lại 500.000 đồng và bị cáo Ng tự nguyện hoàn lại cho Cao Nguyên B 3.500.000 đồng; Xử lý vật chứng: không.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng thống nhất luận tội của Viện kiểm sát xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến và lời khai của Cao Nguyên B khai nhận việc B đứng ra cầm cỗ xe đạp điện giúp Nguyễn Thị Kim Ng do Ng không có chứng minh nhân dân nhờ B dùng chứng minh của B để cầm xe cho Ng nhưng B không biết Ng lừa lấy xe từ tiệm cầm đồ ông D đem sang tiệm cầm đồ ông S, số tiền B cầm xe giao lại cho Nguyễn Thị Kim Ng.

Ý kiến và trình bày của Trần Văn S không ý kiến gì thêm đề nghị Cao Nguyên B phải bồi thường cho ông B số tiền 3.500.000 đồng đã đứng ra cầm xe hiện nay chưa hoàn trả lại cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Quang T, Nguyễn Minh H và bị hại Nguyễn Ngọc D nhưng Hội đồng xét xử xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS).

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu và đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại Nguyễn Ngọc D, đơn trình báo (BL86-100); lời khai người liên quan Lê Minh H từ bút lục 109-114; Cao Nguyên B tại phiên tòa và tại bút lục 125-136; Trần Văn S tại phiên tòa và bút lục từ 101-108; lời khai của Lê Quang T tại bút lục 118-124; kết luận định giá tài sản số 29/2020/HĐĐG-TTHS ngày 06/4/2020; kết luận điều tra số 103/2022/KLĐT ngày 15/9/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng cùng người yêu Lê Quang T nên sau khi mượn xe đạp điện của Lê Minh H vào sáng ngày 18/02/2020 đem đi cầm tại tiệm cầm đồ và nói dối với ông D là xe của bị cáo, là con ông Q bạn quen ông D xin cầm thế tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Ngọc D lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi xe được ông D nhận cầm, bị cáo liên hệ ông Nguyễn Ngọc D xin tăng số tiền cầm xe 4.000.000 đồng nhưng không được ông D đồng ý và có nói với bị cáo muốn vậy thì lấy xe ra đem đi đâu cầm cao hơn thì đi. Nghe vậy, đến 18 giờ ngày 20/02/2020, bị cáo đưa người đàn ông mới quen đi cùng đến gặp ông D nói dối cho bị cáo xin lấy xe đạp điện hiệu Aziswan màu xanh ra để cầm nơi khác lấy số tiền quay lại trả cho ông D, bị cáo để người bạn cùng xe Winer ở lại tại tiệm cầm đồ của ông D, bị cáo mang chìa khóa xe winer của người đàn ông đi cùng chiếc xe đạp điện để tạo lòng tin cho ông D đồng

ý.Sau khi được ông D đồng ý giao lại xe cho bị cáo Ng để đem cầm cố nơi khác mang tiền về trả lại ông D.bị cáo Ngân đem đến tiệm cầm đồ của ông Trần Văn S xin cầm nhưng không được ông S đồng ý nhận cầm vì bị cáo không có giấy chứng minh.Sau khi liên hệ được Cao Nguyên B bị cáo nhờ B đứng ra cầm giúp xe cho bị cáo với số tiền 3.500.000 đồng và nhờ B chở đi tìm gặp Lê Quang T đưa tiền cầm xe cho T và cùng Lê Quang T tiêu xài hết số tiền không quay lại trả tiền 3.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc D như thỏa thuận và sau đó bỏ trốn khỏi địa phương.Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.Tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] *Về nhận thức, tính chất hành vi phạm tội*: Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng do xem thường pháp luật, tài sản của người khác và lười lao động, lêu lổng ăn chơi, nghiện ma túy nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội.Hành vi của bị cáo thực hiện có tính toán tinh vi, đưa ra thông tin sai sự thật mà bị cáo đã biết trước, làm cho người khác tin tưởng nhận cầm tài sản không hợp pháp của bị cáo và giao tiền cho bị cáo thông qua giao dịch dân sự ngay tình.Sau khi giao dịch được thực hiện và nhận tiền, bị cáo muốn chiếm đoạt tiền của bị hại mà không phải thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận nên tiếp tục lừa dối bị hại mục đích tạo lòng tin để bị hại giao tài sản lại cho bị cáo tự nguyện và tin bị cáo sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bị hại để sau khi được giao lại tài sản, bị cáo hoàn thành chiếm đoạt số tiền và bỏ trốn.Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm mất lòng tin trong nhân dân.Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn, không bồi thường, chứng tỏ bị cáo không ăn năn hối cải.Vì vậy, tội phạm bị cáo gây ra tuy ít nghiêm trọng nhưng cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cũng răn đe phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương hiện nay đối với thanh niên trẻ ăn chơi lêu lổng.

[4]Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]Tình tiết tăng nặng:Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2]Tình tiết giảm nhẹ:Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

[5]Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng

từ 09-12 tháng tù cũng như biện pháp tư pháp khác là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]Đối với Lê Minh H khi giao xe cho bị cáo mượn nhưng sau đó bị cáo đem cầm cố cho Nguyễn Ngọc D, sau khi H biết nhưng H đã đồng ý nhận tiền cầm xe 500.000 đồng, cho bị cáo Ng mượn số tiền cầm xe đợi Ng có tiền trả lại cho H chuộc xe nhưng sau đó Ng không chuộc xe mà lấy xe cầm nơi khác và bỏ trốn nhưng Hải đã nhận lại xe không ý kiến gì.Hội đồng xét xử thấy đây là thỏa thuận giữa Lê Minh H và Nguyễn Thị Kim Ng nên không xét.

[7]Đối với Cao Nguyên B đứng ra cầm giúp xe đạp điện cho bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng nhưng Cao Nguyên B không biết bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng lừa chiếm đoạt của bị hại nên không xử lý Cao Nguyên B đồng phạm là có căn cứ.

[8]Đối với Lê Quang T là người sử dụng chung số tiền Nguyễn Thị Kim Ng cầm xe nhưng Lê Quang T và Nguyễn Thị Kim Ng đều khai T không biết tiền do bị cáo Ng lừa đảo của Nguyễn Ngọc D mà có nên không có căn cứ xử lý Lê Quang T về hành vi đồng phạm với bị cáo Ng.

[9]*Về trách nhiệm dân sự:* ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng bồi thường số tiền 3.000.000(*Ba triệu*) đồng, bị cáo Ng đã chiếm đoạt hiện nay chưa bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại có căn cứ được quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 584; Điều 586 và Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn S nhận cầm chiếc xe đạp điện từ Cao Nguyên B, hiện nay xe ông S đã giao trả lại cơ quan điều tra trả lại chủ sở hữu Lê Minh H nên ông S yêu cầu Cao Nguyên B phải chịu trách nhiệm bồi thường lại số tiền 3.500.000 đồng là có căn cứ được quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 582 Bộ luật dân sự năm 2015.

Số tiền Nguyễn Thị Kim Ng đã đưa cho Lê Minh Hải 500.000 đồng.Đây là tiền do bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng cầm xe cho H đưa Nguyễn Minh H nhưng không yêu cầu Nguyễn Minh H hoàn lại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xét.

Số tiền 100.000 đồng Lê Quang T cho Cao Nguyên B, Lê Quang T không thừa nhận lấy số tiền của Nguyễn Thị Kim Ng đưa cho T. Số tiền T cho B để xăng nhờ chở về không liên quan vụ án nên không xét buộc Cao Nguyên B phải hoàn trả lại.

Cao Nguyên B yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng hoàn lại số tiền 3.500.000 đồng do B phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại ông Trần Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này Cao Nguyên B bị thiệt hại có lỗi của Cao Nguyên B nên căn cứ khoản 2 Điều 584 và khoản 4 Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 không buộc Nguyễn Thị Kim Ng phải bồi thường thiệt hại cho Cao Nguyên B nhưng bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng tự nguyện hoàn trả lại Cao

Nguyên B nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị Kim Ng.

[10]*Về xử lý vật chứng*: Đối với chiếc xe đạp điện hiệu Aziswan cơ quan điều tra đã thu hồi giao trả lại chủ sở hữu Lê Minh H, Lê Minh H đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[11]*Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:- Khoản 1 Điều 174; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Điều 582; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

-Điểm a Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng 09 (Chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt 18/6/2022.

Xử buộc: bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Xử buộc: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cao Nguyên B phải bồi thường cho ông Trần Văn S số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phải hoàn lại số tiền cho Cao Nguyên B 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Xử buộc: bị cáo Nguyễn Thị Kim Ng phải nộp 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Xử buộc: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cao Nguyên B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- Bị cáo
- Bị hại .
- Người có qlnvly
- VKS huyện Bắc Bình;
- THA;
- Công an huyện Bắc Bình
- Lưu H/s VA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thanh Thảo